

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Tây Ninh  
giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 – 2030, định hướng đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 2171/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển vật liệu xây không nung tại Việt Nam đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1297/TTr-SXD ngày 31 tháng 5 năm 2022 về Phê duyệt Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030, gồm các nội dung như sau:

**I. Mục tiêu**

1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng (VLXD) tỉnh Tây Ninh nhằm khai thác có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Đưa công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất VLXD để nâng cao chất lượng và sản lượng các loại VLXD, thỏa mãn nhu cầu VLXD ngày càng tăng trên thị trường trong tỉnh và có thể cung cấp một số loại VLXD ra ngoài tỉnh.

- Phát triển sản xuất VLXD nhằm gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp, góp phần tăng nguồn thu ngân sách và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng

công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao vị thế của ngành sản xuất VLXD trong nền kinh tế của tỉnh.

- Phát triển sản xuất VLXD nhằm gia tăng thu hút một lực lượng lao động lớn, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, cải thiện đời sống nhân dân, thu hẹp khoảng cách so với các tỉnh lân cận.

- Từng bước cải tạo, chuyển đổi các cơ sở sản xuất sử dụng công nghệ lạc hậu, thiết bị cũ tiêu tốn nguyên liệu, nhiên liệu và năng lượng; loại bỏ hoàn toàn công nghệ sản xuất VLXD lạc hậu, tiêu tốn nhiều tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường không cải tạo, chuyển đổi.

- Xuất khẩu các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có tính cạnh tranh mạnh trên thị trường quốc tế. Hạn chế xuất khẩu những sản phẩm sử dụng nhiều nguyên liệu, nhiên liệu là tài nguyên khoáng sản không tái tạo.

## 2. Mục tiêu cụ thể

- Các mục tiêu cụ thể về đầu tư, công nghệ, khai thác sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, sản phẩm và xuất khẩu của từng chủng loại VLXD đảm bảo theo các chỉ tiêu được quy định tại các Phụ lục đính kèm Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 – 2030, định hướng đến năm 2050.

- Cải tạo, chuyển đổi các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung sử dụng công nghệ lạc hậu, thiết bị cũ tiêu tốn nguyên liệu, nhiên liệu và năng lượng; nâng cấp, hiện đại hóa công nghệ chế biến đá, cát xây dựng, xi măng và các loại vật liệu đang sản xuất trên địa bàn tỉnh.

- Loại bỏ hoàn toàn công nghệ sản xuất VLXD lạc hậu, tiêu tốn nhiều tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường.

- Sử dụng tối đa các loại chất thải của các ngành công nghiệp (tro, xỉ, thạch cao FGD, thạch cao PG) không phải là chất thải nguy hại làm nguyên liệu để sản xuất vật liệu xây không nung, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản.

- Đảm bảo theo quy định về tỷ lệ sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng và sản lượng sản xuất vật liệu xây không nung chiếm tỷ trọng so với tổng lượng gạch xây.

- Nghiên cứu, phát triển các loại VLXD xanh, vật liệu thay thế thân thiện với môi trường.

## II. Dự báo nhu cầu một số vật liệu xây dựng chủ yếu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

### 1. Dự báo nhu cầu các loại vật liệu xây dựng chủ yếu

Stt	Loại VLXD	Đơn vị tính	Năm 2025	Năm 2030
1	Xi măng	triệu tấn	1,4 - 1,45	1,5 - 1,65
2	Vật liệu xây	tỷ viên	1,3 - 1,35	1,4 - 1,45
3	Vật liệu lợp	triệu m <sup>2</sup>	1,9 - 2,0	2,4 - 2,5
4	Đá xây dựng	triệu m <sup>3</sup>	1,7 - 1,75	2,3 - 2,4

Stt	Loại VLXD	Đơn vị tính	Năm 2025	Năm 2030
5	Cát xây dựng	triệu m <sup>3</sup>	1,6 - 1,65	1,9 - 2,0
6	Gạch ốp lát	triệu m <sup>2</sup>	1,8 - 1,85	2,25 - 2,35
7	Sứ vệ sinh	triệu SP	1,25 - 1,3	1,4 - 1,5
8	Kính xây dựng	triệu m <sup>2</sup>	1,15 - 1,2	1,3 - 1,4

## 2. Dự báo nhu cầu vật liệu san lấp

Nhu cầu vật liệu san lấp đến năm 2025 khoảng 100 triệu m<sup>3</sup>; giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 150 triệu m<sup>3</sup>.

## III. Kế hoạch phát triển một số loại vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh

### 1. Xi măng

- Tiếp tục vận hành, đầu tư xây dựng hoàn chỉnh nhà máy xi măng của Công ty Cổ phần xi măng FICO Tây Ninh với tổng công suất thiết kế là 2,9 triệu tấn/năm, trong đó: tiếp tục phát huy công suất dây chuyền 1 là 1,5 triệu tấn/năm; đến năm 2025 đầu tư hoàn chỉnh dây chuyền 2 với công suất 1,4 triệu tấn/năm.

- Tăng cường sử dụng tro, xỉ nhiệt điện (không phải là chất thải nguy hại) hoặc chất thải công nghiệp khác làm nguyên liệu thay thế trong sản xuất clanhke và làm phụ gia trong sản xuất xi măng.

### 2. Vật liệu xây

Dự báo nhu cầu vật liệu xây đạt 1,3 – 1,35 tỷ viên năm 2025, đạt 1,4 – 1,45 tỷ viên năm 2030, trong đó:

#### 2.1. Gạch đất sét nung

Tổng công suất thiết kế các khoảng 998,0 triệu viên/năm (chiếm 70% của số liệu dự báo nhu cầu vật liệu xây của tỉnh); lộ trình ngừng hoạt động các cơ sở sản xuất theo công nghệ Hoffman và chuyển đổi sang công nghệ Tuynen của các cơ sở sản xuất gạch như sau:

(1) Đối với các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung theo công nghệ Hoffman (sau khi Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh ban hành phương pháp xác định mức tiêu hao năng lượng, các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung tự xác định mức tiêu hao năng lượng):

Các lò Hoffman phải đảm bảo tiêu chí tiêu hao năng lượng theo Quyết định số 1266/QĐ-TTg (tiêu hao nhiệt năng ≤ 360 kcal/kg sản phẩm; tiêu hao điện năng ≤ 0,022 kWh/kg sản phẩm), lộ trình thực hiện ngừng hoạt động kể từ tháng 12/2025. Trường hợp không đảm bảo tiêu chí tiêu hao năng lượng theo Quyết định số 1266/QĐ-TTg (tiêu hao nhiệt năng > 360 kcal/kg sản phẩm; tiêu hao điện năng > 0,022 kWh/kg sản phẩm) phải chấm dứt hoạt động kể từ tháng 12/2023.

(2) Thực hiện chuyển đổi công nghệ Hoffman sang Tuynen của các cơ sở sản xuất gạch đã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương, đồng thời tháo dỡ lò Hoffman phù hợp theo lộ trình ngừng hoạt động buộc tháo dỡ nêu trên:

- Duy trì sản xuất của 13 cơ sở gạch Tuynen hiện có với công suất 299,0 triệu

viên/năm.

- Thực hiện chuyển đổi công nghệ, đưa vào vận hành lò Tuynen và tháo dỡ lò Hoffman kể từ tháng 12/2025 của 33 cơ sở.

- Trong thời gian chưa tháo dỡ, các lò Hoffman hoạt động phải đảm bảo tiêu chí tiêu hao năng lượng theo Quyết định số 1266/QĐ-TTg (tiêu hao nhiệt năng  $\leq 360$  kcal/kg sản phẩm; tiêu hao điện năng  $\leq 0,022$  kWh/kg sản phẩm); trường hợp không đảm bảo tiêu chí tiêu hao năng lượng theo Quyết định số 1266/QĐ-TTg (tiêu hao nhiệt năng  $> 360$  kcal/kg sản phẩm; tiêu hao điện năng  $> 0,022$  kWh/kg sản phẩm) phải chấm dứt hoạt động kể từ tháng 12/2023.

## 2.2. Gạch không nung

a) Tổng công suất thiết kế năm 2025 đạt 455,0 triệu viên QTC/năm, năm 2030 đạt khoảng 560,0 triệu viên QTC/năm.

Tiếp tục duy trì sản xuất các cơ sở đang hoạt động; đôn đốc đầu tư xây dựng đưa vào vận hành khai thác 06 dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.

b) Kêu gọi đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất gạch không nung với 2 loại sản phẩm chính: gạch bê tông nhẹ khí chung áp và gạch xi măng cốt liệu, như sau:

- Giai đoạn 2022 - 2025: kêu gọi đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất gạch không nung có tổng công suất thiết kế 320 triệu viên QTC/năm.

- Giai đoạn 2026 - 2030: tiếp tục kêu gọi đầu tư 3 nhà máy sản xuất gạch không nung, tổng công suất thiết kế tương ứng 120 triệu viên QTC/năm.

- Vị trí cụ thể của từng dự án phải đáp ứng yêu cầu quy hoạch xây dựng của địa phương và đảm bảo các yêu cầu trong sản xuất VLXD theo quy định của pháp luật; ưu tiên kêu gọi đầu tư trong các khu, cụm công nghiệp.

## 3. Vật liệu lợp

- Dự báo nhu cầu vật liệu lợp trên địa bàn tỉnh năm 2025 là 1,9 - 2,0 triệu  $m^2$ , năm 2030 khoảng 2,4 - 2,5 triệu  $m^2$ .

- Tiếp tục duy trì hoạt động các cơ sở hiện có, phát huy tối đa công suất, đầu tư mở rộng theo sự tăng trưởng của thị trường. Kêu gọi đầu tư thêm các cơ sở sản xuất vật liệu lợp để đảm bảo nhu cầu sử dụng tại địa phương. Đa dạng hóa chủng loại sản phẩm tấm lợp sản xuất trên địa bàn nhằm đáp ứng thị hiếu người dân và tăng khả năng tự cung cấp cho nhu cầu trong nội tỉnh.

- Tại mỗi địa phương trên địa bàn tỉnh, kêu gọi đầu tư 1 - 2 cơ sở gia công tấm lợp kim loại hoặc ngói xi măng với CSTK tối thiểu 200 nghìn  $m^2$ /năm/cơ sở; ưu tiên đầu tư tại các khu, cụm công nghiệp.

## 4. Khai thác, chế biến đá, cát xây dựng

a) Đá xây dựng: dự báo nhu cầu đá xây dựng trên địa bàn tỉnh năm 2025 là 1,7 - 1,75 triệu  $m^3$ , năm 2030 là 2,3 - 2,4 triệu  $m^3$ ; tổng công suất khai thác các mỏ đá được cấp phép trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 là 0,45 triệu  $m^3$ /năm, chỉ đáp ứng khoảng 30% nhu cầu nội tỉnh.

- Giai đoạn 2022 - 2025: tiếp tục gia hạn giấy phép, tăng độ sâu khai thác và nâng công suất khai thác đạt 1,250 triệu m<sup>3</sup>/năm đối với các cơ sở được cấp giấy phép khai thác.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Đối với các điểm mỏ có trong quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu san lấp và than bùn tỉnh được UBND tỉnh phê duyệt đưa vào kế hoạch khai thác giai đoạn 2026 - 2030, với công suất khai thác trung bình 500.000 m<sup>3</sup>/năm.

b) Cát xây dựng: Dự báo nhu cầu cát xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2025 là 1,6 - 1,65 triệu m<sup>3</sup>, năm 2030 là 1,9 - 2,0 triệu m<sup>3</sup>; tổng công suất khai thác các mỏ cát đã và dự kiến cấp phép trên địa bàn tỉnh năm 2025 đạt khoảng 1,595 triệu m<sup>3</sup>/năm; cơ bản đáp ứng nhu cầu nội tỉnh.

Khuyến khích các cơ sở khai thác, chế biến đá xây dựng tận dụng nguồn đá nghiền thành cát nhân tạo để thay thế cát tự nhiên cho sản xuất vữa và gạch không nung đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản.

#### 5. Bê tông và các loại cấu kiện bê tông

- Tổng công suất thiết kế sản xuất bê tông trên địa bàn tỉnh năm 2025 là 400.000 m<sup>3</sup>/năm. Tiếp tục kêu gọi đầu tư các cơ sở sản xuất bê tông thương phẩm và bê tông cấu kiện, thay thế cho việc chế tạo bê tông bằng phương pháp thủ công đơn giản, phân tán, không đảm bảo chất lượng và gây ô nhiễm môi trường.

- Về đầu tư xây dựng: tiếp tục kêu gọi đầu tư xây dựng 3-5 cơ sở sản xuất bê tông cấu kiện, sản phẩm gồm các loại: các cấu kiện bê tông đúc sẵn, cọc móng, ống cống, cột điện, ... với công suất thiết kế từ 50.000-100.000 m<sup>3</sup>/năm/cơ sở.

#### 6. Vật liệu trang trí hoàn thiện

Không phát triển gốm sứ ốp lát, sứ vệ sinh, kính xây dựng. Nhu cầu về các loại sản phẩm này sẽ được cung ứng từ các cơ sở sản xuất ở các tỉnh, thành phố lân cận như Bình Dương, Đồng Nai và từ nhập khẩu.

Tiếp tục vận hành ổn định sản xuất đối với Nhà máy sản xuất sơn nước và bột bả tường tại Cụm công nghiệp Ninh Điền, xã Ninh Điền, huyện Châu Thành của Công ty TNHH Skey Việt Nam; đầu tư xây dựng hoàn thiện đưa vào vận hành đối với dự án Nhà máy sản xuất sơn dầu, công suất 500 tấn sản phẩm/năm do Công ty TNHH Thế Hệ Mới làm chủ đầu tư. Ưu tiên phát triển đầu tư các loại vật liệu hữu cơ, hóa phẩm xây dựng (sơn, bột màu, bột trát tường, ...) tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

#### 7. Vật liệu san lấp

Tổng công suất khai thác các mỏ vật liệu san lấp đã và dự kiến cấp phép trên địa bàn tỉnh năm 2025 khoảng 12,5 triệu m<sup>3</sup>/năm (trừ lượng khai thác giai đoạn 2021-2025 theo quy hoạch được duyệt đạt khoảng 62,588 triệu m<sup>3</sup>), chỉ đáp ứng khoảng 62,5% nhu cầu nội tỉnh.

Nhu cầu đất san lấp cần bổ sung đến năm 2025 khoảng 37,4 triệu m<sup>3</sup>; giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 150,0 triệu m<sup>3</sup>.

## V. Giải pháp thực hiện

### 1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Triển khai các chính sách hỗ trợ lãi suất cho vay, ưu đãi các loại thuế đối với những doanh nghiệp tham gia vào dự án đầu tư phát triển sản xuất VLXD để khuyến khích chuyển đổi công nghệ sản xuất lạc hậu, ô nhiễm môi trường sang các công nghệ tiên tiến, hiện đại, sử dụng vật liệu sẵn có của địa phương để phát triển vật liệu xây không nung, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển và ổn định sản xuất VLXD về lâu dài.

- Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa VLXD theo đúng phân cấp, phân quyền đảm bảo theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã được nhà nước ban hành.

- Khuyến khích đầu tư mới, đầu tư nâng cấp, chuyển đổi công nghệ sản xuất VLXD theo hướng gia tăng năng suất, chất lượng; sử dụng tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; nâng cao tỷ lệ sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu tái chế từ phế thải công nghiệp, nông nghiệp, rác thải sinh hoạt; giảm lượng phát thải để bảo vệ môi trường. Hạn chế, tiến tới dừng các hoạt động sản xuất VLXD sử dụng không hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, gây ô nhiễm môi trường.

### 2. Giải pháp nâng cao năng lực quản lý nhà nước về VLXD

- Nâng cao năng lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên khoáng sản; ngăn chặn các hoạt động khai thác, kinh doanh, vận chuyển khoáng sản trái phép; bảo vệ nguồn khoáng sản, bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, đảm bảo an ninh trật tự; khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên làm VLXD hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả, đóng góp vào thu ngân sách.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả thẩm định dự án, thiết kế đối với các dự án, công trình công nghiệp sản xuất VLXD, dự án khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm VLXD thông thường. Tiếp tục duy trì chính sách về sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng theo quy định.

- Đẩy mạnh việc phối hợp thanh tra, kiểm tra hoạt động đầu tư xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát, sỏi), đặc biệt là sau khi cấp giấy phép khai thác; ngăn chặn, xử lý kịp thời các hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản trái phép và kiên quyết xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh sử dụng tro, xỉ thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, phân bón, hóa chất (không là chất thải nguy hại) làm nguyên liệu sản xuất VLXD và trong công trình xây dựng.

### 3. Giải pháp về khoa học, công nghệ, tuyên truyền

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, công nghệ mới, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, sử dụng phế thải làm nguyên liệu, nhiên liệu thay thế, giảm tiêu hao năng lượng, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm VLXD.

- Triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư sản xuất VLXD công nghệ cao, đặc biệt là VLXD từ phế thải công nghiệp và sinh hoạt, ...

- Nghiên cứu phát triển các loại VLXD phù hợp với công nghệ thi công xây dựng hiện đại, tăng năng suất lao động, giảm giá thành công trình.

- Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đầu tư, xây dựng, khoáng sản, đất đai và môi trường đến các cấp, các ngành, người dân và các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn, đề nâng cao trách nhiệm quản lý của các cấp, các ngành và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực VLXD.

#### 4. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Đội ngũ công nhân người lao động phải có trình độ văn hóa và tay nghề vững vàng, tác phong lao động chuyên nghiệp, kiến thức về sản xuất hàng hoá theo cơ chế thị trường; cần có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo kịp thời dưới nhiều hình thức. Bên cạnh đó cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân thuộc chuyên ngành tự động hoá áp dụng 4.0, để bổ sung cho các doanh nghiệp tham gia hoạt động khoáng sản, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá của ngành.

- Các doanh nghiệp cần có chính sách đãi ngộ các cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân có tay nghề cao làm việc trong các doanh nghiệp sản xuất VLXD. Song song với công tác đào tạo, bồi dưỡng cần tăng cường năng lực phân tích kiểm nghiệm, giám định chất lượng nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm VLXD để giữ cho sản xuất ổn định, đảm bảo chất lượng hàng hoá VLXD trên thị trường.

#### 5. Về khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản hiệu quả, tiết kiệm

- Tổ chức khai thác, chế biến hợp lý và sử dụng khoáng sản, theo phương án bảo vệ khoáng sản trên địa bàn tỉnh để nâng cao hiệu quả sử dụng và tiết kiệm tài nguyên, thực hiện công tác bảo vệ môi trường, hoàn nguyên mỏ theo quy định.

- Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản, gắn khai thác khoáng sản với chế biến.

- Hình thành các khu vực, bến bãi tập kết VLXD theo quy hoạch, cơ sở chế biến nguyên liệu đảm bảo cung cấp ổn định về chất lượng, số lượng cho cơ sở sản xuất VLXD.

- Áp dụng công nghệ khai thác, chế biến tiên tiến để nâng cao tối đa hệ số thu hồi khoáng sản và giá trị của sản phẩm sau chế biến, nâng cao hiệu quả, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm khoáng sản.

#### 6. Giải pháp về môi trường

- Thực hiện giám sát công tác bảo vệ môi trường bằng hệ thống thông tin kết nối trực tuyến với các trạm quan trắc tự động đặt tại các nhà máy sản xuất theo quy định; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các cam kết trong đánh giá tác động môi trường/cam kết bảo vệ môi trường và an toàn lao động của các cơ sở khai thác nguyên liệu và sản xuất VLXD.

- Đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa; sử dụng công nghệ sản xuất sạch, giảm tiêu hao nhiên liệu, năng lượng, tiếng ồn, phát thải bụi, phát thải khí nhà kính trong sản xuất; tận dụng tối đa nhiệt khí thải để sấy, để phát điện, để tăng cường hiệu quả đốt cháy nhiên liệu,....

- Xây dựng hệ thống xử lý chất thải, hệ thống quan trắc tự động nước thải, khí thải, bụi xung quanh diện phát thải và kết nối trực tuyến với cơ quan quản lý môi trường tại địa phương theo quy định.

- Chấp hành nghiêm những quy định về vận chuyển vật liệu, tránh rơi vãi vật liệu trên đường vận chuyển.

- Tăng cường trách nhiệm của nhà đầu tư khai thác khoáng sản, sản xuất VLXD đối với nghĩa vụ đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, có trách nhiệm trong việc cải thiện đời sống, tạo công ăn việc làm cho lao động ở địa phương, tích cực tham gia cải thiện môi trường xã hội.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Xây dựng**

- Công bố và phổ biến Kế hoạch phát triển VLXD để các cấp, các ngành, doanh nghiệp, nhà đầu tư nắm được chủ trương phát triển sản xuất VLXD trên địa bàn tỉnh từ nay đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Hướng dẫn, đôn đốc các huyện, thị xã, thành phố triển khai phát triển sản xuất theo định hướng Kế hoạch đã được phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch/phương án thăm dò, khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường và than bùn để đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành VLXD.

- Phối hợp với các sở, ban ngành tuyên truyền về hiệu quả kinh tế trong sử dụng các sản phẩm VLXD mới. Phối hợp kiểm tra các doanh nghiệp tham gia hoạt động khai thác khoáng sản làm VLXD, xử lý kịp thời các đơn vị sản xuất vi phạm khai thác, đầu tư, xây dựng, môi trường.

- Chủ trì hoặc tham gia hoạch định, xây dựng chương trình, chiến lược, dự báo và điều chỉnh kế hoạch VLXD trên địa bàn, đề xuất và tổ chức triển khai xây dựng các điều lệ, chế độ, chính sách liên quan đến sản xuất và kinh doanh VLXD. Từ đó tham mưu, đề xuất UBND tỉnh đưa ra các quyết định, văn bản nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển sản xuất VLXD đạt hiệu quả kinh tế cao.

- Định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh, Bộ Xây dựng về tình hình hoạt động khai thác chế biến khoáng sản làm VLXD và sản xuất VLXD trên địa bàn theo quy định.

### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư đối với lĩnh vực phát triển, sản xuất VLXD trên địa bàn cho các dự án đầu tư VLXD phát triển.

- Không cấp phép đầu tư mới cho các cơ sở sản xuất VLXD có công nghệ lạc hậu, không tiết kiệm nguyên nhiên liệu trong sản xuất và không có phương án bảo vệ môi trường.

- Lấy ý kiến Sở Xây dựng trong quá trình tham mưu UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất VLXD thuộc



thẩm quyền phải chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

### **3. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung các quy định để đơn giản hoá các thủ tục cấp giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác và kiểm tra, giám sát việc khai thác tài nguyên khoáng sản làm VLXD theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra giám sát việc áp dụng các tiêu chuẩn về môi trường trong sản xuất VLXD.

### **4. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành phương pháp xác định mức tiêu hao năng lượng đối với các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung theo công nghệ Hoffman.

- Rà soát, đánh giá công nghệ xử lý khí thải, chất thải trong các cơ sở sản xuất VLXD có sử dụng nhiên liệu hóa thạch; tổ chức lựa chọn công nghệ xử lý chất thải, khí thải để đưa vào sử dụng trong các cơ sở sản xuất VLXD.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức các hoạt động về khoa học công nghệ, giới thiệu các công nghệ sản xuất VLXD tiên tiến, hiện đại đến các nhà đầu tư; hướng dẫn doanh nghiệp lựa chọn dây chuyền sản xuất, công nghệ đảm bảo môi trường, phù hợp với quy mô sản xuất, ưu tiên lựa chọn thiết bị, máy móc trong nước đã sản xuất được. Chủ động xây dựng, đề xuất các chế độ chính sách ưu đãi về nghiên cứu khoa học phát triển VLXD, ứng dụng, chuyển giao công nghệ hiện đại.

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư sản xuất VLXD đổi mới công nghệ, đầu tư công nghệ mới, chuyển giao công nghệ, các dự án sản xuất thử nghiệm ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực VLXD, chế tạo thiết bị sản xuất VLXD được hưởng các ưu đãi về chuyển giao công nghệ theo Luật Chuyển giao công nghệ

### **5. Sở Công Thương**

Đề xuất hoạt động khuyến công, xúc tiến thương mại và các cơ chế chính sách liên quan đến công tác phát triển thị trường VLXD trong, ngoài tỉnh và xuất khẩu.

### **6. Các sở, ban, ngành liên quan**

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng, UBND các huyện, thị xã, thành phố, tham gia, đề xuất giải quyết các vụ việc liên quan đến công tác quản lý Kế hoạch phát triển VLXD trên địa bàn tỉnh.

### **7. UBND các huyện, thị xã và thành phố**

- Quản lý, chỉ đạo các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển VLXD trên địa bàn theo đúng quy hoạch, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện quy hoạch tại địa phương và định kỳ hàng năm báo cáo về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, môi trường, an toàn lao động, an ninh trật tự tại các khu vực có khoáng sản làm VLXD và có cơ sở sản xuất VLXD theo quy định của pháp luật và của UBND tỉnh.

- Rà soát, kiểm tra, tuyên truyền vận động và ban hành kế hoạch thực hiện lộ trình xóa bỏ các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung theo công nghệ Hoffman theo lộ trình tại Kế hoạch này.

### **8. Các doanh nghiệp sản xuất và khai thác chế biến khoáng sản làm VLXD**

- Thực hiện tuân thủ quy định pháp luật về đầu tư xây dựng, tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- Các doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình trên cơ sở các quy định hiện hành. Đặc biệt phải thường xuyên quan tâm tới việc bảo vệ môi trường. Đối với các cơ sở khai thác tài nguyên phải thực hiện hoàn nguyên môi trường hàng năm hoặc trong từng thời gian khai thác.

- Các doanh nghiệp khai thác chế biến khoáng sản và sản xuất VLXD trên địa bàn tỉnh phải có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về tình hình sản xuất, kinh doanh của đơn vị về Sở Xây dựng để thực hiện chức năng quản lý ngành dọc.

*(Thuyết minh Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030 đính kèm)*

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông Vận tải, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.


Nơi nhận: 

- Bộ Xây dựng;
- TT.TU ; TT.HĐND tỉnh ;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP;
- Lưu: VT, KT(g).

BAO QĐ.22.6.1

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



  
**Dương Văn Thắng**